

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/HS-ST**

Ngày: 21/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vi Văn Tý.

2/ Ông Vi Văn Hậu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST – HS ngày 11 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Cao Văn M**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1986 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Hữu T (đã chết) và bà: Trương Thị N; Vợ: Trương Thị G và có 01 người con; Tiền án: Năm 2019 bị TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 185/2019/HSST ngày 20/6/2019 (chưa thi hành); Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2009 bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 50/2009/HSST ngày 21/7/2009; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2021 đến nay. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1987 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T1, xã NH, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn C (đã chết) và bà: Trương Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2006 bị TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” tại Bản án số 156/2006/HSST ngày 15/6/2006 và năm 2009 bị TAND thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại

Bản án số 37/2009/HSST ngày 25/8/2009; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2021 đến nay. (Có mặt)

3. Họ và tên: **Cao Văn T**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1975 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm K, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 2/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Xuân G và bà: Trương Thị H (đã chết); Vợ: Trương Thị B và có 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2012 bị TAND huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung là 04 năm tù tại Bản án số 55/2012/HSST ngày 27/11/2012; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2021 đến nay. (Có mặt)

- Bị hại: Anh **Phạm Xuân G**, sinh năm: 1974.

Trú tại: Xóm C, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Lê Thị C**, sinh năm: 1978.

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh **Cao Văn C2**, sinh năm: 1983.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

3. Chị **Hồ Thị X**, sinh năm: 1985.

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh **Tạ Hữu T**, sinh năm: 1972.

Trú tại: Xóm G, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Ông **Vũ Văn Đ**, sinh năm: 1961.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Chị **Trần Thị T**, sinh năm: 1991.

Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

7. Anh **Hồ Mậu A**, sinh năm: 1978.

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

8. Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm: 1977.

Trú tại: Xóm T1, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2021 các bị cáo Cao Văn M, Phạm Văn Đ và Cao Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần tài sản trộm cắp có trị giá trên 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ (ngày không xác định được cụ thể) vào tháng 8 năm 2021 Cao Văn M rủ Cao Văn T đi tìm tài sản trộm cắp và được T đồng ý, cả hai chở nhau bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGAN màu đỏ, biên kiểm soát 37X6-0125 của M đi đến khu vực nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xóm C, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Quan sát thấy không có người trông

coi M trèo rào vào khu vực trạm điện số 2, còn T đứng ngoài cánh giới, M dùng chiếc cờ lê 17 mang theo tháo 02 bình ắc quy màu xanh nhãn hiệu GS được gắn trên xe trộn bê tông là tài sản của anh Phạm Xuân G, sau đó M đưa qua hàng rào cho T 01 bình, còn mình ôm 01 bình trèo rào ra ngoài rồi cả hai lên xe đưa đi tiêu thụ. M và T bán 02 chiếc bình ắc quy cho chị Lê Thị C được số tiền 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng), cả hai sử dụng số tiền đó mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết, do không thu hồi được tài sản nên anh G yêu cầu M và T phải bồi thường cho mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78/KL – HĐĐG ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Hợp kết luận: “02 bình ắc quy màu xanh – nhãn hiệu GS, chủng loại 12V – 100Ah, xuất xứ Việt Nam, đã qua sử dụng là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).”

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 03/9/2021 Cao Văn M rủ Phạm Văn Đ đến khu vực nhà máy điện năng lượng mặt trời ở xóm C, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An tìm tài sản trộm cắp. M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGAN màu đỏ, mang biển kiểm soát 37X6 – 0125 chở Đ cùng đi, khi tới nơi M chỉ cho Đ thấy 02 máy cắt cỏ màu đỏ - đen – trắng, nhãn hiệu MARUYAMA được khóa vào cột gần pin năng lượng mặt trời bằng sợi dây xích sắt, là tài sản của anh Phạm Xuân G. Đ trèo qua cổng mở khóa xích (chìa khóa để sẵn tại ổ khóa) lấy đi 02 máy cắt cỏ cùng sợi dây xích sắt, sau đó M đem 01 máy cắt cỏ cất giấu tại vườn cam bên đường, máy cắt cỏ còn lại M bán cho anh Cao Văn C2 với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), sau khi bán M nói với Đ chỉ bán được 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), rồi M tiếp tục chở Đ đem theo sợi dây xích sắt đến bán cho chị Hồ Thị X được số tiền 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng), số tiền bán chiếc máy cắt cỏ và sợi dây xích sắt 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) cả hai sử dụng mua ma túy và tiêu xài hết. Còn lại 01 chiếc máy cắt cỏ, ngày hôm sau M đem bán cho anh Tạ Hữu T được số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), số tiền có được M mua ma túy sử dụng một mình.

Ngày 03/9/2021 bị hại anh Phạm Xuân G làm đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp trình báo sự việc. Đến ngày 27/11/2021 các bị cáo Cao Văn M, Cao Văn T và Phạm Văn Đ đến cơ quan Công an đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Khi biết tài sản do mình mua là do phạm tội mà có, ngày 29/11/2021 anh Cao Văn C2 giao nộp lại 01 chiếc máy cắt cỏ và không yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã mua, anh Tạ Hữu T giao nộp lại 01 máy cắt cỏ và có yêu cầu hoàn trả số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), chị Hồ Thị X giao nộp lại 01 sợi dây xích sắt và yêu cầu hoàn trả số tiền 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KL – HĐĐG ngày 06/12/2021 của hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Hợp, kết luận: “02 máy cắt cỏ, màu sắc đỏ - đen – trắng nhãn hiệu MARUYAMA, chủng loại BCF420HT-RS xuất xứ Nhật Bản, máy đã qua sử dụng và 01 dây xích sắt dài 4,5m, một đầu dây dích được gắn móc sắt, nặng 10 kg là 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).”

Ngoài ra trong các ngày 25/9/2021, 27/10/2021 và 23/01/2021 Phạm Văn Đ, Cao Văn T và Nguyễn Trung V còn thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 23/9/2021 Phạm Văn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37H7-3098 (xe thuộc sở hữu của bà Trương Thị H mẹ của Đ) chở theo Nguyễn Trung V, sinh năm 1976, trú tại xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Khi cả hai đi ngang qua quán bán gạo của nhà ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1961, trú tại xóm H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, cả hai đã trộm cắp 01 bì gạo nếp nặng 50kg đưa đi bán cho một người phụ nữ không quen biết được số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), số tiền đó cả hai tiêu xài cá nhân hết. Bì gạo nếp 50 kg được định giá 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), ông Vũ Văn Đ yêu cầu Phạm Văn Đ và Nguyễn Trung V bồi thường số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Khoảng 8 giờ ngày 27/10/2021 Cao Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37H1-103.26 (thuộc sở hữu của chị Trương Thị B vợ của T) chở theo Phạm Văn Đ đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi ngang qua kho hàng của chị Trần Thị T, sinh năm 1991 tại xóm R, xã C, huyện Q, cả hai đã lấy trộm 05 thanh thép xây dựng loại phi 12, được gập đôi, mỗi thanh dài 11,4m, có tổng trọng lượng 48kg, được định giá là 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đưa đi bán cho chị Lê Thị C được số tiền 480.000 đồng, cả hai đã sử dụng tiêu xài hết. Sau khi biết tài sản mình mua là do trộm cắp mà có chị C đã giao nộp lại, chị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, chị C yêu cầu T và Đ hoàn trả số tiền 480.000 đồng (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Khoảng 11 giờ ngày 23/11/2021 Phạm Văn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37H7-3098 đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi ngang qua quán mua bán phế liệu của anh Hồ Mậu A, sinh năm 1978 ở xóm S, xã T. Đ đi vào trộm 03 khối sắt đưa đi bán cho chị Lê Thị C được số tiền 870.000 đồng, số tiền có được Đ sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Kết luận định giá 03 khối sắt Đ trộm cắp có tổng trị giá là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), anh Hồ Mậu A đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, chị Lê Thị C yêu cầu Phạm Văn Đ hoàn trả lại số tiền 870.000 đồng (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng) cho mình.

Ba lần thực hiện trộm cắp tài sản của Phạm Văn Đ, Cao Văn T và Phạm Trung V vào các ngày 25/9/2021, 27/10/2021 và 23/01/2021 giá trị tài sản trộm cắp mỗi lần dưới 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), trước đó các bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” hoặc các tội quy định tại Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật hình sự, do đó chưa đủ căn cứ để khởi tố hình sự, nên cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Quỳnh Hợp đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn Đ, Cao Văn T và Nguyễn Trung V.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKSQH, ngày 10/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, truy tố các bị cáo Cao Văn M, Phạm Văn Đ và Cao Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cao Văn M từ 24 đến 27 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Trước khi phiên tòa diễn ra người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin rút yêu cầu đòi bồi thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét thêm về phần dân sự.

Tiêu hủy 03 phong bì thư chứa que test kiểm tra chất ma túy đối với các bị cáo. Trả lại 01 (một) căn cước công dân mang tên Cao Văn M, số căn cước 040086006125, cấp ngày 22/4/2021 do Cục quản lý hành chính cấp và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số sê ri 354275383422821, máy gắn số sim 0328693580, máy đã qua sử dụng cho bị cáo Cao Văn M. Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A35, màu đỏ đen, có số IMEI 1: 8681250410118017 và số IMEI 2: 868125041018009, máy gắn thẻ sim số 0776203109 và 0942113819, máy đã qua sử dụng cho bị cáo Phạm Văn Đ.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Trong quá trình điều tra những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, có đơn xin rút yêu cầu bồi thường dân sự, nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ

án, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ đơn trình báo của người bị hại; Biên bản sự việc; Biên bản tiếp nhận người ra đầu thú; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và sơ đồ hiện trường tự thuật của bị cáo; Biên bản tạm giữ, mở niêm phong, kiểm tra đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận giám định và định giá tài sản; Bản tự khai, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định.

Vào tháng 8 năm 2021 (ngày không xác định được) Cao Văn M và Cao Văn T có hành vi trộm cắp 02 chiếc bình ắc quy màu xanh nhãn hiệu GS được gắn trên xe trộn bê tông tại khu vực nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xóm C, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An, là tài sản của anh Phạm Xuân G đem đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Kết luận định giá 02 chiếc bình ắc quy có trị giá là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 03/9/2021 Cao Văn M rủ Phạm Văn Đ đến khu vực nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xóm C, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An tìm tài sản trộm cắp, M đứng ngoài cảnh giới để Đ trèo rào vào mở sợi dây xích sắt lấy đi 02 chiếc máy cắt cỏ nhãn hiệu MARUYAMA đã qua sử dụng cùng sợi dây xích sắt dài 4,5 mét đem đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài. Kết luận định giá 02 chiếc máy cắt cỏ và sợi dây xích sắt có tổng trị giá là 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và mức hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là hoàn toàn có căn cứ, đúng người và đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền mua ma túy sử dụng và thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của cá nhân các bị cáo đã nhiều lần cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nên khi lượng hình cần buộc bị cáo chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi, hậu quả do mình gây ra để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, xét về vai trò của các bị cáo, bị cáo Cao Văn M giữ vai trò chính, là người đề xướng và tham gia tích cực trong cả 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên, bản thân bị cáo có nhân thân

xấu, đang có một tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trị giá tài sản trong cả hai lần trộm cắp tài sản là 7.550.000 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Văn Đ có vai trò thứ hai trong vụ án, là người tích cực hưởng ứng và thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự với trị giá tài sản phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo Cao Văn M là 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), ngoài ra bị cáo Đ còn tham gia thực hiện thêm 03 lần hành vi trộm cắp tài sản khác chưa đến mức truy tố, nên bị cơ quan Công an ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

Bị cáo Cao Văn T là người có vai trò thứ ba, bị cáo tích cực tham gia vào việc trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo có nhân thân xấu và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trị giá tài sản tham gia trộm cắp 02 bình ắc quy cùng bị cáo Cao Văn M là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), ngoài ra bị cáo còn tham gia trộm cắp tài sản thêm một lần cùng bị cáo Phạm Văn Đ, do trị giá tài sản chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cơ quan Công an ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Cao Văn M tham gia thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản 02 lần và phạm tội khi chưa được xóa án tích đối với tội đã phạm trước đó nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn Đ và Cao Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với những lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Văn Đ do không có tính liên tục về mặt thời gian, tính cả lần bị truy tố bị cáo thực hiện tất cả 04 lần trộm cắp tài sản và không có căn cứ chứng minh bị cáo lấy việc trộm cắp tài sản làm nguồn thu nhập chính nên không truy tố tất cả các lần phạm tội và xem xét về yếu tố có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo là lao động tự do, không có công việc, nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Theo lời khai nhận của các bị cáo sau khi bán tài sản trộm cắp, các bị cáo dùng tiền mua ma túy sử dụng, tuy nhiên các bị cáo không biết họ tên, địa chỉ, cũng như không xác định được danh tính người đã bán ma túy cho mình, nên không có căn cứ để xử lý, truy tố theo quy định.

[7] Bà Trương Thị H không biết việc bị cáo Phạm Văn Đ tự ý lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave& màu xanh, biển kiểm soát 37H7-3098 thuộc sở hữu của mình đi trộm cắp tài sản; Chị Trương Thị B không biết bị cáo Cao Văn T mượn xe mô tô nhãn hiệu VEMVIPI màu đỏ, biển kiểm soát 37H1-103.26 của mình sử dụng đi trộm cắp tài sản, nên không xem xét xử lý đối với bà Trương Thị H và chị Trương Thị B.

[8] Chị Lê Thị C, anh Cao Văn C2, anh Tạ Hữu T và chị Hồ Thị X mua tài sản có nguồn gốc do các bị cáo trộm cắp mà có, tuy nhiên quá trình điều tra làm rõ người mua không biết tài sản đó do phạm tội mà có, các bị cáo không cho người mua biết, nên không có căn cứ xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với những người mua tài sản.

[9] Hành vi cầm cố tài sản không có giấy phép và đúng quy định pháp luật của chị Nguyễn Thị V đã bị cơ quan Công an huyện Quỳnh Hợp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[10] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave& màu xanh, biển kiểm soát 37H7-3098 đã được cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trương Thị H.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu VEMVIPI màu đỏ, biển kiểm soát 37H1-103.26 đã được cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Trương Thị B.

Những vật chứng gồm 02 máy cắt cỏ nhãn hiệu MARUYAMA màu đỏ, đen, trắng, máy đã qua sử dụng; 01 sợi dây xích sắt dài 4,5m, nặng 10kg, một đầu được gắn móc bằng sắt; 05 thanh sắt được gấp đôi, chiều dài mỗi thanh 11,4m, loại sắt phi 12; 01 đoạn sắt có trục xoay, gắn bánh xoay và 04 thanh sắt thành hình tròn quanh trục; 01 khối sắt hình trụ tròn, một đầu nhọn, dài 50cm; 01 khối sắt hình trụ tròn, một đầu nhỏ, một đầu to, giữa khối sắt có lõm 02 bên, dài 44cm đã được cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trả lại tài sản cho những người bị hại và người liên quan chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định.

Chiếc cờ lê 17 bị cáo Cao Văn M sử dụng mở lấy trộm bình ắc quy, quá trình điều tra bị cáo khai đã đánh rơi mất chiếc cờ lê, không thu hồi được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGAN, màu đỏ, có số khung RGLSC10MHDH023023, số máy VMSACE-H023023, mang biển kiểm soát 37X6-0125, xe đã qua sử dụng, do bị cáo Cao Văn M sử dụng đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra do không xác định được nơi đăng ký và chủ sở hữu hợp pháp nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao cho đội cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện Quỳnh Hợp để xử lý theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Vật chứng gồm 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A35 và NOKIA, cùng một thẻ Căn cước công dân mang tên Cao Văn M là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các

bị cáo. Đối với 03 que test thử chất ma túy được niêm phong trong phong bì là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa người bị hại anh Phạm Xuân G và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Lê Thị C, anh Tạ Hữu T, chị Hồ Thị X và ông Vũ Văn Đ đã rút toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường, không yêu cầu xem xét về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Cao Văn C, chị Trần Thị T, anh Hồ Mậu A và chị Nguyễn Thị V không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Văn M, Phạm Văn Đ và Cao Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn M **25** (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/11/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ **21** (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/11/2021.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T **17** (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/11/2021.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A35 màu đỏ đen, có số IMEI 1: 8681250410118017, số IMEI 2: 868125041018009, gắn hai thẻ sim số 0776203109 và 0942113819, máy đã qua sử dụng cho bị cáo Phạm Văn Đ.

Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, có số Seri 354275383422821, có gắn số sim 0328693580, máy đã qua sử dụng và 01 căn cước công dân mang tên Cao Văn M, số căn cước 040086006125, cấp ngày 22/4/2021 cho bị cáo Cao Văn M.

Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) que test thử chất ma túy của các bị cáo được bỏ trong ba phong bì thư niêm phong.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 11/02/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Cao Văn M, Phạm Văn Đ và Cao Văn T chịu án phí Hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- lưu HS, VP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông